

KẾT QUẢ KINH DOANH

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 3,530 VNĐ | | |
| 29/12/2023 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -0.6% | 4.7% | -9.7% |

| | | |
|-------------|--------|-------------------------|
| | 2023 | |
| DT thuần | 494 | YoY ▼ 105 ▼ 17.6% |
| | tỷ VNĐ | |

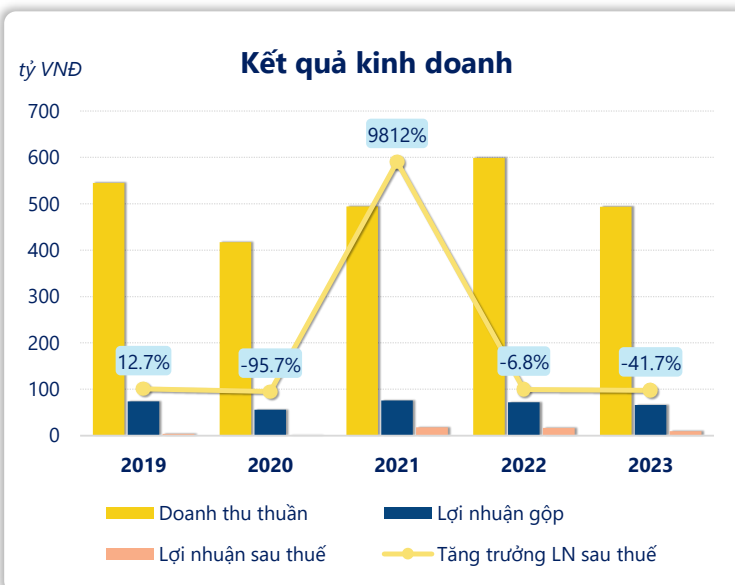
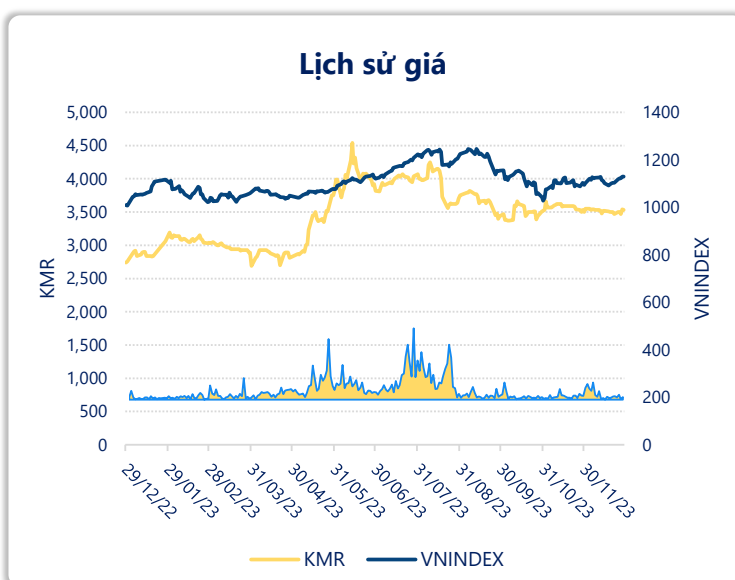
| | | |
|--------|--------|-------------------------|
| | 2023 | |
| LN gộp | 66.2 | YoY ▼ 5.70 ▼ 7.9% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-------------|--------|--------------------------|
| | 2023 | |
| LN thuần | 15.6 | YoY ▲ 3.50 ▲ 28.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|----------------|--------|--------------------------|
| | 2023 | |
| LN sau thuế | 9.81 | YoY ▼ 6.99 ▼ 41.7% |
| | tỷ VNĐ | |

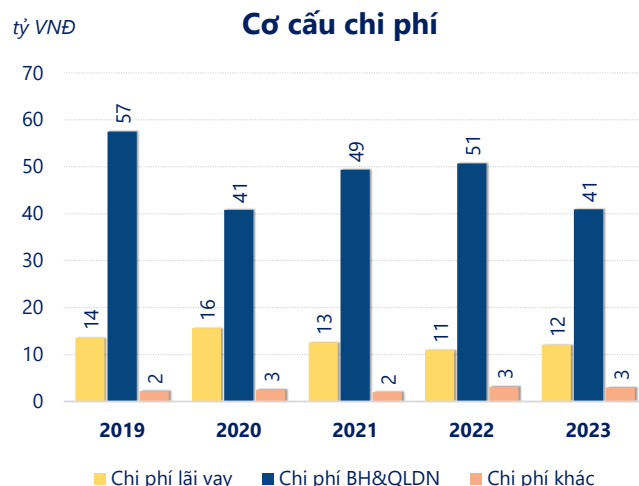
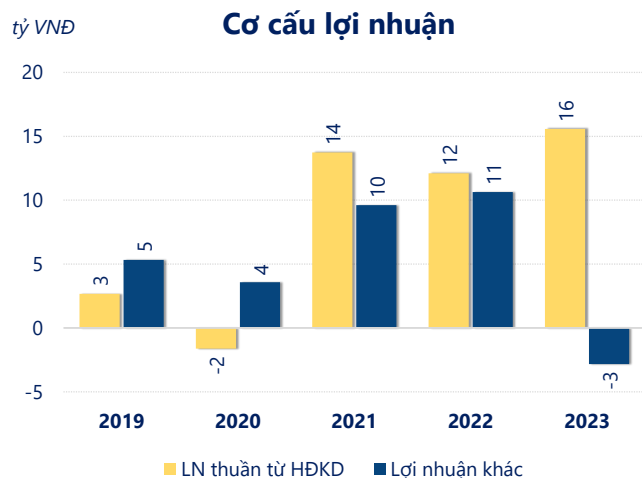
| | | |
|-----|------|-------------------|
| | 2023 | |
| ROE | 1.5% | +/- YoY ▼ 1.2% |

| | | |
|-----|------|-------------------|
| | 2023 | |
| ROA | 1.1% | +/- YoY ▼ 0.6% |



Năm **2023**, KMR ghi nhận doanh thu thuần **493.7** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **9.81** tỷ đồng, lần lượt **giảm 17.6%** và **giảm 41.7%** so với năm trước.

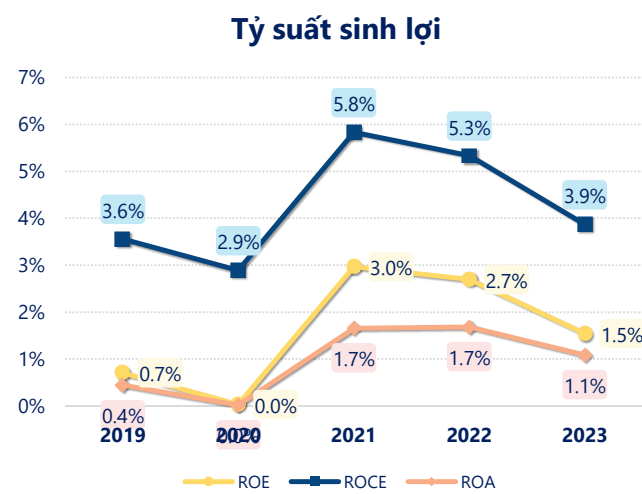
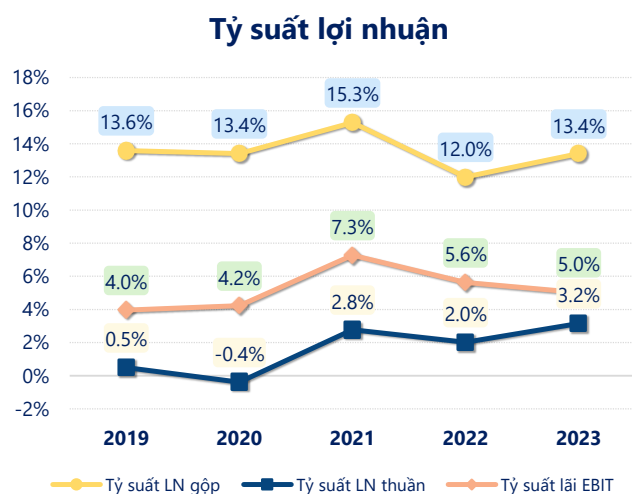
Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **1.54%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.



Năm **2023**, KMR có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **15.57** tỷ đồng, **tăng lên 3.47** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (8.49 tỷ đồng) là 7.08 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **12.07** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **40.93** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **2.95** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của KMR năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **1.54%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



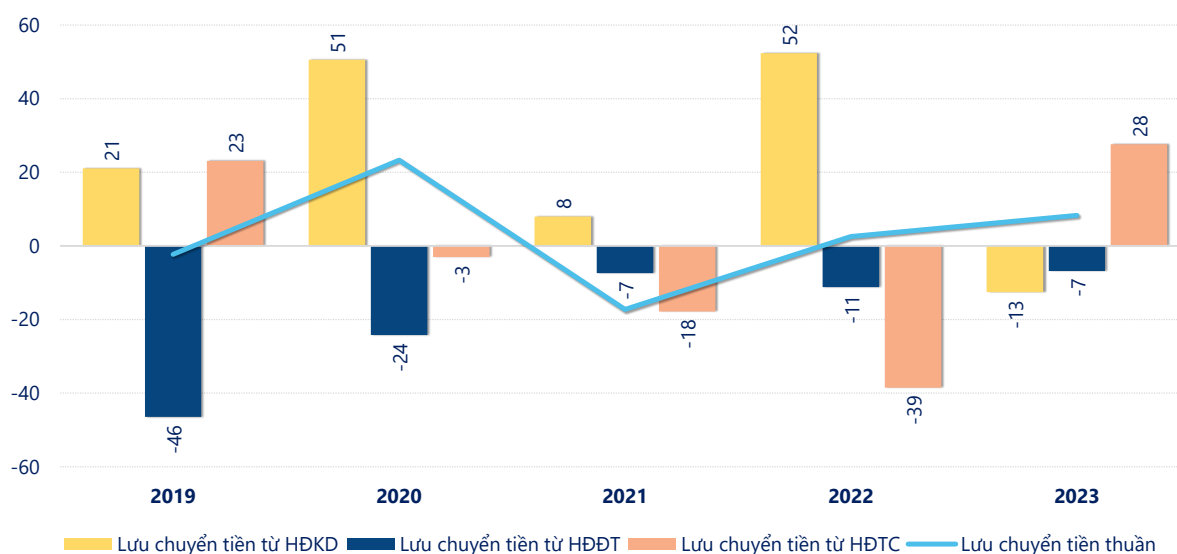
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

| | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|---------------------------|-------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| Doanh thu thuần | 545 | 417 | 495 | 599 | 494 |
| Giá vốn hàng bán | 471 | 361 | 419 | 527 | 428 |
| Lợi nhuận gộp | 74.1 | 55.9 | 75.6 | 71.9 | 66.2 |
| Doanh thu HĐTC | 1.65 | 2.31 | 2.74 | 4.79 | 4.40 |
| Chi phí TC | 15.6 | 19.0 | 15.2 | 13.8 | 14.1 |
| Chi phí lãi vay | 13.6 | 15.7 | 12.6 | 10.9 | 12.1 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 32.6 | 22.7 | 29.1 | 26.8 | 19.7 |
| Chi phí QLDN | 24.9 | 18.1 | 20.2 | 23.9 | 21.2 |
| LN thuần từ HĐKD | 2.68 | -1.62 | 13.7 | 12.1 | 15.6 |
| Lợi nhuận khác | 5.34 | 3.58 | 9.60 | 10.6 | -2.82 |
| LN trước thuế | 8.02 | 1.96 | 23.3 | 22.7 | 12.7 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.24 | 0.18 | 18.1 | 16.8 | 9.81 |
| LNST của CĐ cty mẹ | 4.24 | 0.18 | 18.1 | 16.8 | 9.81 |

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của KMR bằng **8.28** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (2.58 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-12.53** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-6.79** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **27.61** tỷ đồng.